BỘ TƯ PHÁP

BỘ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 06/2018/TT-BTP

Hà Nội, ngày 07 tháng 6 năm 2018

THÔNG TƯ
Quy định xét tặng Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp Tư pháp"

Căn cứ Luật thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Nghị định số 96/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Thi đua - Khen thưởng;

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Thông tư quy định xét tặng Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp Tư pháp",

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về nguyên tắc, đối tượng, tiêu chuẩn, điều kiện xét tặng; thẩm quyền, thủ tục, hồ sơ đề nghị xét tặng; quyết định tặng, tổ chức trao tặng Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp Tư pháp".

Điều 2. Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp Tư pháp"

1. Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp Tư pháp" (sau đây gọi là Kỷ niệm chương) là hình thức khen thưởng của Bộ Tư pháp nhằm ghi nhận, động viên đối với cá nhân có thành tích, công lao đóng góp cho sự nghiệp xây dựng, phát triển ngành Tư pháp Việt Nam.

2. Mẫu Kỷ niệm chương và Bằng chứng nhận Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp Tư pháp" do Bộ Tư pháp quyết định, phù hợp với quy định chung, thể hiện đặc trưng của ngành Tư pháp Việt Nam và được đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng ở Trung ương.

Điều 3. Nguyên tắc xét tặng, trao tặng Kỷ niệm chương

1. Kỷ niệm chương được xét tặng một lần cho cá nhân, không truy tặng. Việc xét tặng Kỷ niệm chương được tiến hành hàng năm vào dịp kỷ niệm Ngày truyền thống ngành Tư pháp Việt Nam hoặc xét tặng đột xuất theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

2. Việc xét tặng Kỷ niệm chương phải đảm bảo công khai, dân chủ, khách quan, công bằng, kịp thời theo đúng quy định của pháp luật và đúng đối tượng, tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục quy định tại Thông tư này.

3. Việc tổ chức trao tặng Kỷ niệm chương phải đảm bảo trang trọng, thiết thực, tránh phô trương, hình thức, lãng phí.

Điều 4. Quyền và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân

1. Tổ chức, cá nhân đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương có quyền và trách nhiệm:

a) Được trao Kỷ niệm chương, Bằng chứng nhận, tiền thưởng theo quy định của pháp luật hiện hành (nếu có) và được ghi tên vào Sổ Thi đua, khen thưởng của Bộ Tư pháp;

b) Thực hiện đầy đủ, kịp thời các quy định về trình tự, thủ tục, thời hạn gửi và đảm bảo tính chính xác của hồ sơ theo quy định của Thông tư này và các quy định khác có liên quan về thi đua, khen thưởng.

2. Người xác nhận thành tích, cá nhân có báo cáo không trung thực về tiêu chuẩn, điều kiện để được xét tặng Kỷ niệm chương thì bị xử lý theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

3. Tổ chức, cá nhân có quyền khiếu nại, tố cáo về việc đề nghị và xét tặng Kỷ niệm chương theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Chương II
ĐỐI TƯỢNG VÀ TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN XÉT TẶNG KỶ NIỆM CHƯƠNG

Điều 5. Đối tượng, tiêu chuẩn, điều kiện xét tặng Kỷ niệm chương đối với cá nhân đã và đang công tác trong ngành Tư pháp

1. Lãnh đạo, nguyên Lãnh đạo Bộ Tư pháp.

2. Lãnh đạo các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp, Cục Thi hành án dân sự các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương khi có đủ các điều kiện sau:

a) Có thời gian giữ chức vụ tối thiểu 05 năm đối với cấp trưởng, 08 năm đối với cấp phó và hoàn thành tốt nhiệm vụ trong thời gian quy định;

b) Cá nhân công tác tại các ngành khác được điều động về ngành Tư pháp để bổ nhiệm các chức vụ quy định tại điểm a khoản này thì được đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương khi có thời gian giữ chức vụ trong ngành Tư pháp tối thiểu 06 năm đối với cấp trưởng, 09 năm đối với cấp phó và hoàn thành tốt nhiệm vụ trong thời gian quy định;

c) Đối với nữ là cán bộ lãnh đạo thì thời gian giữ các chức vụ để đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương quy định tại các điểm a, b khoản 2 Điều này được giảm 02 năm so với quy định chung;

d) Cá nhân có thời gian giữ chức vụ nhưng không đủ thời gian để đề nghị xét tặng theo tiêu chuẩn quy định đối với chức vụ đó thì được cộng với thời gian giữ chức vụ thấp hơn liền kề để đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương theo chức vụ thấp hơn liền kề.

3. Cá nhân đã và đang công tác tại các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp, Cục Thi hành án dân sự, Chi cục Thi hành án dân sự, Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp và công chức Tư pháp - Hộ tịch được đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương khi có đủ 20 năm công tác trở lên đối với nam, 15 năm công tác trở lên đối với nữ và hoàn thành tốt nhiệm vụ trong thời gian quy định.

4. Cá nhân công tác trong các ngành, tổ chức khác chuyển về ngành Tư pháp hoặc từ ngành Tư pháp chuyển sang làm công tác tư pháp tại các ngành, tổ

chức khác được đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương khi có đủ 22 năm công tác trở lên đối với nam, có đủ 17 năm công tác trở lên đối với nữ, trong đó có tối thiểu 10 năm công tác trong ngành Tư pháp và hoàn thành tốt nhiệm vụ trong thời gian quy định.

Điều 6. Đối tượng, tiêu chuẩn, điều kiện xét tặng Kỷ niệm chương đối với cá nhân đang làm công tác tư pháp

1. Cá nhân trực tiếp làm công tác pháp chế tại Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, doanh nghiệp nhà nước thuộc các Bộ, ngành ở Trung ương; Cá nhân đang công tác tại các cơ quan Thi hành án Quân đội; Luật sư; Công chứng viên làm việc tại các Văn phòng Công chứng; Đấu giá viên làm việc tại các doanh nghiệp bán đấu giá tài sản; Thừa phát lại; Quản tài viên; Giám định viên Tư pháp; Hòa giải viên thương mại; Trọng tài viên được đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương khi có đủ 22 năm làm công tác tư pháp trở lên đối với nam, có đủ 17 năm làm công tác tư pháp trở lên đối với nữ.

2. Cá nhân là hòa giải viên ở cơ sở được đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương khi có đủ 10 năm trở lên liên tục trực tiếp làm công tác hòa giải tại thôn, làng, ấp, bản, tổ dân phố hoặc có đủ 08 năm trở lên liên tục trực tiếp làm công tác hòa giải và có thành tích xuất sắc được khen thưởng từ 03 Giấy khen hoặc 01 Bằng khen của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về công tác hòa giải. Đối với hòa giải viên nữ thì thời gian làm công tác hòa giải quy định tại khoản này được giảm 02 năm.

Điều 7. Đối tượng, tiêu chuẩn, điều kiện xét tặng Kỷ niệm chương đối với cá nhân khác có công lao đóng góp cho sự phát triển ngành Tư pháp Việt Nam

1. Cá nhân công tác tại các cơ quan Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội thuộc các trường hợp:

a) Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương; Lãnh đạo Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Bí thư, phó Bí thư tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương, người đứng đầu Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh,

Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

b) Cấp phó của người đứng đầu Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh; người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Giám đốc, Phó Giám đốc sở, ngành và tương đương; Bí thư, Phó Bí thư huyện ủy, quận ủy, thị ủy, thành ủy, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh được đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương khi có thời gian giữ chức vụ đủ 01 nhiệm kỳ trở lên.

2. Cá nhân là người Việt Nam ở nước ngoài, người nước ngoài được đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương khi có công lao, thành tích xuất sắc trong việc xây dựng và củng cố mối quan hệ hợp tác giữa các nước, các tổ chức quốc tế với ngành Tư pháp, đóng góp tích cực cho sự nghiệp xây dựng, phát triển ngành Tư pháp Việt Nam.

3. Cá nhân có sáng kiến, giải pháp, công trình khoa học được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận, có giá trị thực tiễn, đóng góp thiết thực, hiệu quả cho sự phát triển của ngành Tư pháp; cá nhân có giúp đỡ, ủng hộ xứng đáng về tài chính hoặc vật chất cho sự phát triển ngành Tư pháp Việt Nam.

4. Các trường hợp khác theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

Điều 8. Cách tính thời gian để đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương đối với một số trường hợp cụ thể

1. Cá nhân công tác trong ngành Tư pháp hoặc làm công tác tư pháp được công nhận là Anh hùng Lao động, Anh hùng Lực lượng vũ trang được đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương ngay sau khi có quyết định khen thưởng.

2. Cá nhân công tác trong ngành Tư pháp hoặc làm công tác tư pháp được tặng thưởng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cao của ngành Tư pháp và của Nhà nước được đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương sớm hơn thời gian quy định tùy thuộc vào danh hiệu thi đua hoặc hình thức khen thưởng cao nhất đã được xét tặng như sau:

a) "Huân chương Lao động" các hạng được đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương sớm hơn 05 năm;

b) Danh hiệu "Chiến sỹ thi đua toàn quốc" được đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương sớm hơn 03 năm;

c) "Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ" hoặc danh hiệu "Chiến sỹ thi đua ngành Tư pháp", danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh" được đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương sớm hơn 02 năm.

3. Cá nhân công tác trong ngành Tư pháp hoặc làm công tác tư pháp ở các tỉnh, huyện, xã miền núi, vùng cao, vùng sâu, vùng biên giới, hải đảo thì thời gian công tác thực tế tại các địa bàn trên được nhân với hệ số 1,2 đối với các tỉnh, huyện, xã có hệ số phụ cấp khu vực từ 0,1 đến 0,5 và được nhân với hệ số 1,5 đối với các tỉnh, huyện, xã có hệ số phụ cấp khu vực 0,7 hoặc 1,0 để tính thời gian công tác trong ngành Tư pháp hoặc tính thời gian làm công tác tư pháp để đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương.

4. Cá nhân công tác trong ngành Tư pháp hoặc làm công tác tư pháp theo hình thức hợp đồng lao động không xác định thời hạn thì thời gian công tác trong ngành hoặc làm công tác tư pháp để đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương được tính từ thời điểm được tuyển dụng.

Điều 9. Các trường hợp chưa được xét tặng Kỷ niệm chương

1. Cá nhân chưa được đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương khi đang trong thời gian cơ quan có thẩm quyền xem xét thi hành kỷ luật, hoặc đang điều tra, thanh tra, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm hoặc có đơn thư khiếu nại, tố cáo đang được xác minh, làm rõ.

2. Cá nhân có đủ thời gian công tác quy định tại các khoản 2, 3, 4 Điều 5 và Điều 6 của Thông tư này nhưng bị kỷ luật dưới mức buộc thôi việc hoặc dưới mức khai trừ Đảng, chỉ được đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương sau 01 năm tính từ thời điểm có quyết định xóa kỷ luật hoặc hết thời hiệu xử lý kỷ luật Đảng. Thời gian chịu kỷ luật không được tính để xét tặng Kỷ niệm chương.

Điều 10. Các trường hợp không được xét tặng Kỷ niệm chương

Cá nhân đủ tiêu chuẩn, điều kiện thuộc các đối tượng quy định tại Điều 5, Điều 6 và khoản 1 Điều 7 của Thông tư này không được xét tặng Kỷ niệm chương khi bị kỷ luật ở mức buộc thôi việc, bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc bị khai trừ Đảng.

Chương III
THẨM QUYỀN, THỦ TỤC, HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ XÉT TẶNG; QUYẾT ĐỊNH TẶNG VÀ TỔ CHỨC TRAO TẶNG KỶ NIỆM CHƯƠNG

Điều 11. Thẩm quyền đề nghị xét tặng, quyết định tặng Kỷ niệm chương

1. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ có thẩm quyền sau:

a) Tổng hợp hồ sơ cá nhân đủ tiêu chuẩn, điều kiện đã và đang công tác tại cơ quan, đơn vị mình; cá nhân là người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu các tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương, lãnh đạo Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và cá nhân đủ tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 7 của Thông tư này gửi Vụ Thi đua - Khen thưởng thẩm định, trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp bình xét, đề nghị Bộ trưởng Bộ Tư pháp tặng Kỷ niệm chương;

b) Phối hợp với Vụ Thi đua - Khen thưởng rà soát, cho ý kiến đối với cá nhân thuộc lĩnh vực được giao tham mưu, quản lý, theo dõi được người đứng đầu các cơ quan, tổ chức có cá nhân đó đề nghị xét tặng.

2. Tổng cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự tổng hợp hồ sơ do Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, gửi Vụ Thi đua - Khen thưởng thẩm định, trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp bình xét, đề nghị Bộ trưởng Bộ Tư pháp tặng Kỷ niệm chương cho cá nhân đủ tiêu chuẩn, điều kiện đã và đang công tác tại các cơ quan Thi hành án dân sự địa phương và cá nhân đủ tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 7 của Thông tư này.

3. Chánh Văn phòng Bộ lập danh sách gửi Vụ Thi đua - Khen thưởng thẩm định, trình Bộ trưởng Bộ Tư pháp xem xét, quyết định tặng Kỷ niệm chương cho các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 5 của Thông tư này.

4. Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ phối hợp với thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ có liên quan rà soát, tổng hợp hồ sơ gửi Vụ Thi đua - Khen thưởng thẩm định, trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp bình xét, đề nghị Bộ trưởng Bộ Tư pháp tặng Kỷ niệm chương cho cá nhân nguyên là lãnh đạo của các đơn vị thuộc Bộ đã nghỉ hưu đủ tiêu chuẩn, điều kiện nhưng chưa được xét tặng.

5. Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế rà soát, tổng hợp hồ sơ gửi Vụ Thi đua - Khen thưởng thẩm định, trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp bình xét, đề nghị Bộ trưởng Bộ Tư pháp tặng Kỷ niệm chương cho cá nhân đủ tiêu chuẩn, điều kiện là người Việt Nam ở nước ngoài, người nước ngoài có công lao đóng góp cho sự nghiệp xây dựng, phát triển ngành Tư pháp Việt Nam.

6. Vụ trưởng Vụ Thi đua - Khen thưởng có trách nhiệm trình Bộ trưởng Bộ Tư pháp tặng Kỷ niệm chương cho cá nhân thuộc đối tượng quy định tại khoản 4 Điều 7 của Thông tư này.

7. Giám đốc Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương rà soát, tổng hợp hồ sơ gửi Vụ Thi đua - Khen thưởng thẩm định, trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp bình xét, đề nghị Bộ trưởng Bộ Tư pháp tặng Kỷ niệm chương cho các đối tượng sau:

a) Cá nhân đã và đang công tác tại Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp, công chức Tư pháp - Hộ tịch; cá nhân nguyên là cán bộ, công chức, viên chức của các đơn vị này đã nghỉ hưu đủ tiêu chuẩn, điều kiện nhưng chưa được xét tặng;

b) Cá nhân là Bí thư, phó Bí thư tỉnh ủy, thành ủy, người đứng đầu Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và cá nhân đủ điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại khoản 3 Điều 7 của Thông tư này;

c) Cá nhân trực tiếp làm công tác pháp chế tại cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Luật sư; Công chứng viên làm việc tại các Văn phòng Công chứng; Đấu giá viên làm việc tại các doanh nghiệp bán đấu giá tài sản; Thừa phát lại; Quản tài viên; Giám định viên Tư pháp; Hòa giải viên thương mại; Trọng tài viên và cá nhân thuộc đối tượng quy định tại khoản 4 Điều 5; khoản 2 Điều 6 và điểm b khoản 1 Điều 7 của Thông tư này trên cơ sở đề nghị của thủ trưởng, người đứng đầu các cơ quan, tổ chức có cá nhân được đề nghị xét tặng.

Điều 12. Hồ sơ đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương theo thủ tục thông thường

1. Hồ sơ đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương theo thủ tục thông thường áp dụng với các đối tượng đủ điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại các khoản 2, 3, 4 Điều 5; Điều 6; điểm b khoản 1 và khoản 3 Điều 7 của Thông tư này.

2. Hồ sơ đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương theo thủ tục thông thường được lập thành 01 bộ, bao gồm:

a) Tờ trình đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương của Sở Tư pháp, Cục Thi hành án dân sự, các đơn vị thuộc Bộ hoặc các cơ quan, tổ chức có cá nhân được đề nghị xét tặng theo Mẫu số 01, kèm theo Danh sách cá nhân được đề nghị xét tặng theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư này đối với các cá nhân đủ điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại khoản 2, 3, 4 Điều 5 và Điều 6; Danh sách cá nhân được đề nghị xét tặng theo Mẫu số 2A ban hành kèm theo Thông tư này đối với cá nhân đủ điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại điểm b khoản 1 Điều 7; Danh sách cá nhân được đề nghị xét tặng theo Mẫu số 2B ban hành kèm theo Thông tư này đối với cá nhân đủ điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại khoản 3 Điều 7 của Thông tư này;

b) Bản tóm tắt thành tích, quá trình công tác của cá nhân được đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương có xác nhận của Thủ trưởng đơn vị quản lý cán bộ đối với cá nhân đang công tác; có xác nhận của cơ quan quản lý ra quyết định nghỉ hưu đối với cá nhân đã nghỉ hưu theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư này đối với đối tượng quy định tại khoản 2, 3 và khoản 4 Điều 5 và Điều 6 của Thông tư này; Bản tóm tắt công lao, thành tích đóng góp cho sự nghiệp xây dựng, phát triển ngành Tư pháp Việt Nam theo Mẫu số 3A ban hành kèm theo Thông tư này đối với cá nhân đủ điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 3 Điều 7 của Thông tư này;

c) Biên bản họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Sở Tư pháp, Cục Thi hành án dân sự, các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp hoặc của các cơ quan, tổ chức có cá nhân được đề nghị xét tặng;

d) Bản chụp quyết định khen thưởng, quyết định kỷ luật của cá nhân thuộc đối tượng quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều 8 của Thông tư này.

Điều 13. Hồ sơ đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương theo thủ tục đơn giản

1. Hồ sơ đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương theo thủ tục đơn giản áp dụng với đối tượng đủ điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 5; điểm a khoản 1 và các khoản 2, 4 Điều 7 của Thông tư này.

2. Hồ sơ đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương theo thủ tục đơn giản được lập thành 01 bộ gồm Tờ trình đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương của Sở Tư pháp, của Cục Thi hành án dân sự hoặc của các đơn vị thuộc Bộ theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư này, kèm theo:

a) Danh sách trích ngang cá nhân được đề nghị xét tặng theo Mẫu số 04 ban hành kèm theo Thông tư này đối với cá nhân đủ điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 5 và khoản 4 Điều 7 của Thông tư này;

b) Danh sách trích ngang cá nhân được đề nghị xét tặng theo Mẫu số 4A ban hành kèm theo Thông tư này đối với đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 của Thông tư này;

c) Danh sách trích ngang cá nhân được đề nghị xét tặng theo Mẫu số 4B ban hành kèm theo Thông tư này và văn bản nhận xét của Bộ Ngoại giao, Bộ Công an đối với cá nhân đủ điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại khoản 2 Điều 7 của Thông tư này.

Điều 14. Thời gian, phương thức nộp hồ sơ đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương

1. Thời gian nộp hồ sơ

a) Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp, Thủ trưởng các tổ chức pháp chế, đơn vị được giao phụ trách công tác pháp chế của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Giám đốc Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương gửi hồ sơ về Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp trước ngày 01 tháng 6 hàng năm;

b) Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương gửi hồ sơ về Tổng Cục Thi hành án dân sự trước ngày 15 tháng 5 hàng năm;

c) Thời gian nộp hồ sơ đối với các đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 và các khoản 2, 3 Điều 7 không phụ thuộc vào quy định tại điểm a, b khoản này.

2. Phương thức nộp hồ sơ

Hồ sơ được quy định tại khoản 2 Điều 12 và khoản 2 Điều 13 của Thông tư này phải gửi văn bản bằng giấy đồng thời gửi bằng văn bản điện tử đối với tờ trình, danh sách cá nhân được đề nghị xét tặng đến hộp thư điện tử của Vụ Thi đua - Khen thưởng (thiduakhenthuong@moj.gov. vn).

Điều 15. Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ và trình xét tặng Kỷ niệm chương

1. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương hợp lệ, Vụ Thi đua - Khen thưởng có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành bình xét, trừ trường hợp do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định.

2. Đối với hồ sơ không đúng quy định, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Vụ Thi đua - Khen thưởng có trách nhiệm thông báo cho

đơn vị trình. Trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo, đơn vị trình có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ gửi lại Vụ Thi đua - Khen thưởng để thẩm định.

3. Chậm nhất sau 05 ngày làm việc, kể từ ngày Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp họp xét hoặc lấy ý kiến các thành viên, Vụ Thi đua - Khen thưởng hoàn tất các thủ tục theo quy định để trình Bộ trưởng, trừ trường hợp do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định.

Điều 16. Tổ chức trao tặng Kỷ niệm chương

1. Bộ trưởng Bộ Tư pháp chủ trì tổ chức trao tặng hoặc ủy quyền cho người đứng đầu các cơ quan, tổ chức có cá nhân được tặng thưởng trao tặng Kỷ niệm chương theo quy định về nghi thức trao tặng hình thức khen thưởng này.

2. Vụ Thi đua - Khen thưởng chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan tham mưu, đề xuất với Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc tổ chức trao tặng Kỷ niệm chương đối với các trường hợp do Bộ Trưởng Bộ Tư pháp chủ trì tổ chức trao tặng hoặc ủy quyền trao tặng.

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 17. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21 tháng 7 năm 2018. Quyết định số 101/2005/QĐ-BTP ngày 02/3/2005 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp Tư pháp" và Quyết định số 04/2008/QĐ-BTP ngày 19/3/2008 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành Quy chế xét tặng Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp Tư pháp" hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực.

2. Huy chương "Vì sự nghiệp Tư pháp" được tặng thưởng theo quy định tại Quyết định số 713/TC ngày 22 tháng 11 năm 1995 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp có giá trị tương đương với Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp Tư pháp". Cá nhân đã được tặng Huy chương "Vì sự nghiệp Tư pháp" thì không xét tặng Kỷ niệm chương theo Thông tư này.

Điều 18. Trách nhiệm thi hành

1. Vụ trưởng Vụ Thi đua - Khen thưởng chủ trì, phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ có liên quan tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các cơ quan, tổ chức khác có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Thông tư này.

2. Tổng cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự chủ trì, phối hợp với Vụ Thi đua - Khen thưởng tham mưu, giúp Bộ trưởng hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan Thi hành án dân sự địa phương tổ chức triển khai thực hiện Thông tư này.

3. Chánh Thanh tra Bộ Tư pháp trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao tham mưu, đề xuất với Bộ trưởng Bộ Tư pháp giải quyết kịp thời các vi phạm, khiếu nại, tố cáo về việc xét tặng Kỷ niệm chương theo quy định của pháp luật.

4. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ, Giám đốc Sở Tư pháp, Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Thông tư này./.

BỘ TRƯỞNG

Lê Thành Long

Mẫu số 01

Đơn vị:
Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

TỜ TRÌNH
Về việc đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp Tư pháp"

Kính gửi:
- Bộ Tư pháp;
- .....

Thực hiện Thông tư số / /TT-BTP ngày của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc xét tặng Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp Tư pháp";

Căn cứ kết quả cuộc họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ..... ngày / /

Đơn vị .....đã xét và đề nghị tặng Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp Tư pháp" cho.....cá nhân *(Có danh sách và hồ sơ cá nhân kèm theo).* Trong đó:

1. Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 5 của Thông tư
Tổng số:..... trường hợp.
2. Đối tượng quy định tại các khoản 2, 3, 4 Điều 5 và Điều 6 của Thông tư
Tổng số:..... trường hợp.
a) Đang làm việc ..... trường hợp.
b) Đã nghỉ hưu ..... trường hợp.
3. Đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 của Thông tư
Tổng số:..... trường hợp.
4. Đối tượng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 7 của Thông tư
Tổng số:..... trường hợp.
5. Đối tượng quy định tại các khoản 2, 3 Điều 7 của Thông tư
Tổng số:..... trường hợp.

Đơn vị ..... xin trình Bộ Tư pháp xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:
-
-
- Lưu:

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Mẫu số 02

Đơn vị:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH
Cá nhân đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp Tư pháp"
thuộc đối tượng quy định tại các khoản 2, 3, 4 Điều 5 và Điều 6 của
Thông tư số 06 /2018/TT-BTP ngày 07 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp
(Ban hành kèm theo Tờ trình số: ngày tháng năm của .....)

TT	Họ và tên, chức vụ, đơn vị công tác	Năm sinh		Ngày được tuyển dụng vào ngành Tư pháp hoặc làm công tác Tư pháp	Điều khoản áp dụng	Số năm công tác trong ngành Tư pháp hoặc làm công tác Tư pháp	Số năm công tác liên tục	Số năm giữ chức vụ trong ngành Tư pháp (đối với đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 5)	Tiêu chuẩn đặc cách, khu vực, khen thưởng, kỷ luật	Ghi chú
		Nam	Nữ							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Mẫu số 2A

Đơn vị:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH
Cá nhân đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp Tư pháp"
thuộc đối tượng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 7 của
Thông tư số 06 /2018/TT-BTP ngày 07 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp
(Ban hành kèm theo Tờ trình số: ngày tháng năm)

TT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ, đơn vị công tác	Thời gian giữ chức vụ đề nghị	Ghi chú
		Nam	Nữ			
1	2	3	4	5	6	7

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Mẫu số 2B

Đơn vị:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH
Cá nhân đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp Tư pháp"
thuộc đối tượng quy định tại khoản 3 Điều 7 của
Thông tư số 06/2018/TT-BTP ngày 07 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp
(Ban hành kèm theo Tờ trình số: ngày tháng năm)

TT	Họ và tên, chức vụ, đơn vị công tác	Năm sinh		Công lao đóng góp cho sự nghiệp xây dựng, phát triển ngành Tư pháp	Ghi chú
		Nam	Nữ		
1	2	3	4	5	6

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
Hoặc Đại diện cơ quan, tổ chức có liên quan
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Mẫu số 03

Đơn vị:
Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

BẢN TÓM TẮT QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC CỦA CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ XÉT TẶNG KỶ NIỆM CHƯƠNG "VÌ SỰ NGHIỆP TƯ PHÁP"

(Thuộc đối tượng quy định tại các khoản 2, 3, 4 Điều 5 và Điều 6 của Thông tư số 06 /2018/TT-BTP ngày 07 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

- Họ và tên: Nam, nữ
- Ngày tháng năm sinh: Dân tộc:
- Nơi ở hiện nay:
- Chức vụ và nơi công tác hiện nay (hoặc trước khi nghỉ hưu):
- Ngày tháng năm vào biên chế:
- Ngày tháng năm vào làm việc trong ngành Tư pháp:
- Số năm công tác trong ngành Tư pháp hoặc làm công tác Tư pháp:
- Các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng đã được khen tặng (Anh hùng, Huân chương lao động, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Chiến sỹ thi đua toàn quốc, Chiến sỹ thi đua ngành Tư pháp, Bằng khen, giấy khen)
- Hình thức kỷ luật: ..... theo Quyết định Kỷ luật số .... ngày ..... tháng... năm....
- Ngày nghỉ hưu:
- Đề nghị tặng Kỷ niệm chương theo tiêu chuẩn quy định tại điểm... khoản...Điều.... Thông tư về xét tặng Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp Tư pháp" của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

*** Tôi xin cam đoan chưa được tặng Huy chương, Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp Tư pháp" lần nào.**

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

Thời gian công tác	Chức vụ	Nơi công tác
(Kê khai **liên tục** từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)		

* Lưu ý: Nêu rõ nơi công tác (đến cấp xã) đối với khoảng thời gian công tác trong ngành Tư pháp hoặc làm công tác tư pháp tại các xã miền núi, vùng cao, vùng sâu, vùng biên giới hải đảo.

XÁC NHẬN CỦA THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ QUẢN LÝ CÁN BỘ
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Người khai
(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 3A

Đơn vị:
Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

BẢN TÓM TẮT THÀNH TÍCH VÀ QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC CỦA CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ XÉT TẶNG KỶ NIỆM CHƯƠNG "VÌ SỰ NGHIỆP TƯ PHÁP"

(Thuộc đối tượng quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 3 Điều 7 của Thông tư số 06 /2018/TT- BTP ngày 07 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

- Họ và tên: Nam, nữ:
- Ngày tháng năm sinh: Dân tộc: Quốc tịch:
- Nơi ở hiện nay:
- Chức vụ và nơi công tác hiện nay (hoặc trước khi nghỉ hưu):

*** CÔNG LAO ĐÓNG GÓP CHO NGÀNH TƯ PHÁP:**

XÁC NHẬN CỦA THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ QUẢN LÝ CÁN BỘ
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Người khai
(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 04

Đơn vị

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH
Cá nhân đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp Tư pháp"
thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 5, khoản 4 Điều 7 của
Thông tư số 06 /2018/TT-BTP ngày 07 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp
(Theo thủ tục đơn giản)
(Ban hành kèm theo Tờ trình số: ngày tháng năm)

TT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ, đơn vị công tác	Điều khoản áp dụng	Ghi chú
		Nam	Nữ			
1	2	3	4	5	6	7

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Đơn vị:

Mẫu số 4A

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH
Cá nhân đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp Tư pháp"
thuộc đối tượng quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 7 của
Thông tư số 06 /2018/TT-BTP ngày 07 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp
(Theo thủ tục đơn giản)
(Ban hành kèm theo Tờ trình số: ngày tháng năm)

TT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ, đơn vị công tác	Ghi chú
		Nam	Nữ		
1	2	3	4	5	6

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Mẫu số 4B

Đơn vị:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH
Cá nhân đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp Tư pháp"
Thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 7 của
Thông tư số 06 /2018/TT-BTP ngày 07 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp
(Theo thủ tục đơn giản)
(Ban hành kèm theo Tờ trình số: ngày tháng năm)

TT	Họ và tên	Năm sinh		Quốc tịch	Công lao đóng góp tích cực cho sự nghiệp xây dựng, phát triển ngành Tư pháp Việt Nam	Ghi chú
		Nam	Nữ			
1	2	3	4	5	6	7

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ TRÌNH
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)